

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 10/2019/HC-PT

Ngày: 18/11/2019

V/v kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực quản lý
thuế.

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK.**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Tuyết

Các thẩm phán: Ông Hoàng Kim Khánh và bà Nguyễn Thị Nhung

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Đào Anh Thái - Kiểm sát viên.

Ngày 18/11/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 11/2019/TLPT-HC ngày 07 tháng 11 năm 2019, về việc “*Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý thuế*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số: 05/2019/HC-ST ngày 29/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 10/2019/QĐPT-HC ngày 10/10/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2019/QĐ - PT ngày 01/11/2019 giữa các đương sự:

Người khởi kiện: Ông Nguyễn Chí D, ông Nguyễn Chí T, ông Nguyễn Chí C;
Cùng địa chỉ: 79 L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Xuân K (Có mặt);

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Luật sư Lê Xuân Anh P - Công ty Luật TNHH Đại Nguyên (Có mặt);

Địa chỉ: 159 T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

* Người bị kiện: Chi cục thuế thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền là ông Phạm Thái V (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: 90 N, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

*Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B.

Người đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền: Ông Nguyễn Tấn L

Địa chỉ: 01 Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa người được ủy quyền của những người khởi kiện ông Nguyễn Xuân K trình bày:

Năm 1983, ông Nguyễn Hải P1 được Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đ cấp cho 01 lô đất có diện tích 400m² tại khu vực sân bay L19 trước đây để làm nhà ở; Đến năm 1990, ông Nguyễn Hải P1 chuyển nhượng lại toàn bộ diện tích đất nói trên cho ông Lê Văn Đ làm nhà ở. Đến tháng 12 năm 1992, ông Đ chuyển nhượng lại toàn bộ diện tích đất nói trên cho bà Nguyễn Thị T1 (Mẹ ruột ông D, ông T và ông C). Sau đó, bà T1 chuyển nhượng 100m² cho người khác. Năm 2010, bà Nguyễn Thị T1 qua đời, các ông Nguyễn Chí D, Nguyễn Chí T, Nguyễn Chí C được thừa kế quyền sử dụng đất này.

Năm 2018, ông D, ông T và ông C nộp hồ sơ xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho phần diện tích nói trên. Ngày 15/11/2018, ông D, ông T và ông C nhận được Thông báo số LTB1860501-TK0053976/TB-CCT, của Chi Cục Thuế thành phố B “Về việc xác định nghĩa vụ tài chính” của hộ gia đình mình. Nội dung: “Căn cứ vào *Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính* số 1837413, ngày 02/11/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký Đất đai thành phố B”, Chi Cục Thuế thành phố B xác định hộ gia đình ông D, ông T và ông C phải nộp 40% tiền sử dụng đất với số tiền là 563.436.000 đồng. ông D, ông T và ông C đã làm thủ tục ghi nợ tiền sử dụng đất.

Nhận thấy, việc Chi Cục Thuế thành phố B ấn định mức nộp tiền sử dụng đất bằng 40% tiền sử dụng đất theo giá đất ở đối với hộ gia đình ông D, ông T và ông C là không đúng nên các ông đã khiếu nại.

Ngày 05/03/2019, Chi cục trưởng Chi cục Thuế Tp. B đã ban hành Quyết định số 1531/QĐ-CCT, “*Về việc giải quyết khiếu nại của các ông Nguyễn Chí D, Nguyễn Chí T, Nguyễn Chí C; địa chỉ số: 79 L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk*”. Theo nội dung giải quyết khiếu nại lần đầu, thì Cơ quan Thuế căn cứ quy định tại khoản 16, Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP, ngày 06/01/2017 của Chính phủ để cho rằng việc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh cấp đất cho ông Nguyễn Hải P1 vào năm 1983 để làm nhà ở là giao không đúng thẩm quyền. Từ đó, căn cứ điểm c, khoản 1, Điều 8 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP, ngày 15/05/2014 của Chính phủ về thu tiền sử dụng đất để tính tiền sử dụng đất cho hộ gia đình ông D, ông T và ông

C bằng 40% tiền sử dụng đất là đúng pháp luật từ đó bác đơn khiếu nại của ông D, ông T và ông C.

Các ông Nguyễn Chí D, Nguyễn Chí T và Nguyễn Chí C cho rằng: Trường hợp sử dụng đất của hộ gia đình mình không thuộc trường hợp sử dụng đất được quy định tại khoản 16, Điều 2, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP, ngày 06/01/2017 của Chính phủ mà thuộc trường hợp sử dụng đất theo quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 100 Luật đất đai nên hộ gia đình ông D, ông T và ông C không phải nộp tiền sử dụng đất.

Không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại lần đầu. ông D, ông T và ông C khởi kiện Chi cục thuế Thành phố B. Đề nghị Tòa án nhân dân Tp Buôn Ma Thuột tuyên hủy Thông báo số LTB1860501-TK0053976/TB-CCT, ngày 15/11/2018, của Chi cục Thuế thành phố B “Về việc xác định nghĩa vụ tài chính” cho hộ gia đình ông D, ông T và ông C. Đồng thời, yêu cầu Tòa án căn cứ Điều 6 Luật Tổ tụng hành chính xem xét tính hợp pháp của Phiếu chuyển thông tin địa chính để xác định nghĩa vụ tài chính số 1837413, ngày 02/11/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký Đất đai thành phố B để xử lý theo quy định. Đối với yêu cầu tuyên hủy quyết định số 1531/QĐ - CCT ngày 05/03/2019 của Chi cục thuế Thành phố B về việc giải quyết khiếu nại thì ông D, ông T và ông C xin rút yêu cầu không yêu cầu Tòa án giải quyết nữa.

2. Người đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền của người bị kiện trình bày:

- Ngày 05/11/2018 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Tp. B gửi phiếu chuyển thông tin số 1837413/PCTTĐC đến Chi cục Thuế thành phố B để xác định nghĩa vụ tài chính của ông Nguyễn Chí D (Đại diện) có nội dung sau: Thừa đất số 130 thuộc tờ bản đồ 70, phường T, Tp B, Đắk Lắk. Khu vực: Đường, đoạn N đến P (Đường T chỉ phóng tuyến theo quy hoạch thực tế chưa mở) với diện tích thừa đất 165,3m²; sử dụng riêng 165,3m²; diện tích phải nộp tiền sử dụng đất là 165,3m²; diện tích trong hạn mức 165,3m² (Theo cam kết ngày 02/11/2018) có nguồn gốc đất do Bộ chỉ huy quân sự tỉnh cấp; nhận chuyển nhượng, mục đích sử dụng đất đất ở đô thị.

Việc xác định nghĩa vụ tài chính đối với thửa đất trên của ông Nguyễn Chí T Chi cục Thuế Tp. B căn cứ trên phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Tp.B và các giấy tờ liên quan đến thửa đất; Hợp đồng ủy quyền bên ủy quyền Nguyễn Chí T bên được ủy quyền Nguyễn Chí D; Văn bản thỏa thuận; Tờ khai tiền sử dụng đất ngày 23 tháng 8 năm 2018 của ông Nguyễn Chí T; Tờ khai Lệ phí trước bạ nhà đất ngày 23 tháng 8 năm 2018 của ông Nguyễn Chí T;

Ngày 15/11/2018 Chi cục Thuế Thành phố B ra Thông báo số LTB1860501-TK0053976/TB - CCT xác định ông Nguyễn Chí T phải nộp với số tiền sử dụng đất là: 563.436.000 đồng; Thông báo nộp lệ phí, trước bạ nhà, đất với số tiền lệ phí trước bạ phải nộp là: 7.042.950 đồng.

- Theo quy định tại khoản 16, Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ thì Quyết định số 108/XDCB ngày 15/3/1983 của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk cấp thuộc diện không phải nộp tiền sử dụng đất. Tuy nhiên căn cứ theo Điểm 1, Mục II Chỉ thị số 282/CT-QP ngày 11/7/1991 của Bộ Quốc Phòng thì ông Nguyễn Hải P1 là cán bộ thuộc Chi cục Kiểm lâm tỉnh Đ, không phải là cán bộ, chiến sĩ trực thuộc Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đắk Lắk nên ông P1 không thuộc đối tượng được xét giao đất làm nhà ở. Vì vậy, trong trường hợp này đất của ông Nguyễn Hải P1 được bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đ cấp là đất cấp trái thẩm quyền.

- Theo quy định tại Điểm c, Khoản 1, Điều 8, Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ thì ông Nguyễn Chí D phải nộp tiền sử dụng đất bằng 40% tiền sử dụng đất đối với thửa đất số: 130; tờ bản đồ: 70, phường T, Tp B, Đắk Lắk; Khu vực: Đường L, đoạn N đến P inh (Đường T chỉ phóng tuyến theo quy hoạch thực tế chưa mở); diện tích thửa đất: 165,3m² theo xác định của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Tp. B thì thửa đất trên có nguồn gốc được giao không đúng thẩm quyền. Vì vậy, Chi cục Thuế thành phố B ban hành thông báo nộp tiền sử dụng đất ngày 15/11/2018 đối với trường hợp của ông Nguyễn Chí D là đúng theo quy định nên Chi cục Thuế thành phố B không đồng ý với nội dung khởi kiện về việc Tuyên huỷ Thông báo số LTB1860501-TK0053976/TB-CCT ngày 15/11/2018 của Chi cục thuế thành phố B.

3. Người đại diện tham gia tố tụng theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ngày 27/9/2018 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B nhận được hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông Nguyễn Chí D (Đại diện) đối với thửa đất số 130, tờ bản đồ số 70, thửa đất tọa lạc phường T, thành phố B, hồ sơ gồm có:

Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Nguyễn Chí T, Nguyễn Chí C, Nguyễn Chí D ký ngày 12/02/2018 và được UBND phường T ký xác nhận ngày 21/9/2018; Phiếu lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất đối với thửa đất trên của các ông Nguyễn Chí T, Nguyễn Chí C và Nguyễn Chí D do UBND phường T lập ngày 02/6/2018; Giấy cho sử dụng đất số 108/XDCB ngày 15/3/1983 cho ông Nguyễn Hải P1; Giấy bán nhà giữa ông Lê Văn Đ, Nguyễn Thị V và Nguyễn Thị T1 ký ngày 01/12/1992; Bản sao chứng thực Giấy chứng tử số 38/2010 ngày 20/11/2010 của bà Nguyễn Thị T1; Bản sao chứng thực Giấy khai sinh của các ông

Nguyễn Chí C, Nguyễn Chí D và Nguyễn Chí T; Hợp đồng ủy quyền giữa các ông Nguyễn Chí T, Nguyễn Chí C ủy quyền cho ông Nguyễn Chí D được Văn phòng công chứng Đ công chứng ngày 26/10/2017, số 11802 quyền số 10TP/CC-SCC/HĐGD; Biên lai thu thuế nhà đất của bà Nguyễn Thị T1 vào các ngày 14/4/1994, ngày 13/6/2014 và ngày 13/6/2016; Bản sao hợp đồng mua bán điện sinh hoạt số 02/A102171 của bà Nguyễn Thị T1; Văn bản thỏa thuận cử người đại diện đồng thừa kế được Văn phòng công chứng Đ công chứng ngày 05/10/2018, số 014980, quyền số 10TP/CC-SCC/HĐGD; Giấy cam kết hạn mức đất ở ngày 02/11/2018 của ông Nguyễn Chí D; Đơn đề nghị ghi nợ nghĩa vụ tài chính của ông Nguyễn Chí T được UBND phường T xác nhận ngày 18/12/2018; Trích lục bản đồ địa chính thửa đất số 130, tờ bản đồ số 70, phường T ngày 02/11/2018 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Thành phố B; Tờ khai tiền sử dụng đất và tờ khai lệ phí trước bạ của ông Nguyễn Chí D (đại diện).

- Về nguồn gốc đất: Năm 1983 hộ ông Nguyễn Hải P1 được Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Đ cấp đất làm nhà ở (ông Nguyễn Hải P1 không phải là cán bộ, chiến sĩ của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đ). Năm 1990 hộ ông Nguyễn Hải P1, chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất (không có nhà) cho hộ ông Lê Văn Đ; tháng 5/1992 ông Đ làm nhà ở đến tháng 12/1992 hộ ông Lê Văn Đ chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất (có nhà) cho hộ bà Nguyễn Thị T1; Năm 2010 bà Nguyễn Thị T1 chết ông Nguyễn Chí T, Nguyễn Chí D, Nguyễn Chí C là người được hưởng thừa kế từ năm 2010 (Theo phiếu lấy ý kiến khu dân cư do UBND phường T lập ngày 02/6/2018).

Căn cứ khoản 2 Điều 23 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều Luật đất đai. Căn cứ Điểm c, Khoản 1, Điều 8 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ về việc quy định về thu tiền sử dụng đất. Khoản 4 Điều 5 Thông tư số 23/TT-BTMNT ngày 19/5/2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường. Căn cứ chỉ thị 282/CT-QP ngày 11/7/1991 của Bộ trưởng Bộ quốc phòng; Quyết định số 353/QĐ-UB ngày 17/6/1985 của UBND tỉnh Đ; Quyết định số 552/QĐ-UB ngày 12/5/1994 của UBND tỉnh Đ Thông báo số 78 ngày 17/7/1990 của UBND tỉnh Đ; Tờ trình số 09/QĐ-UB ngày 11/6/1994 của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đ; Công văn số 75 ngày 16/1/2018 của Tổng cục quản lý đất đai; Công văn số 71 ngày 23/2/2018 của Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đ.

Căn cứ nguồn gốc đất và các quy định trên, ngày 02/11/2018 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B lập phiếu chuyển thông tin để xác định nghĩa vụ tài chính đối với thửa đất trên và chuyển Chi cục thuế thành phố B để xác định nghĩa vụ tài chính theo quy định.

Ngày 17/12/2018, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B nhận được thông báo thực hiện nghĩa vụ tài chính do Chi cục thuế thành phố B phát hành

ngày 15/11/2018 và kèm đơn nghi nợ nghĩa vụ tài chính đối với thửa đất trên của các ông Nguyễn Chí T, Nguyễn Chí C, Nguyễn Chí D.

Ngày 05/01/2019, UBND thành phố B chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất trên, đồng thời phát hành giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 075073, cấp ngày 05/01/2019, thửa đất số 130, tờ bản đồ số 70, diện tích 165,3m² đất ở có ghi nợ nghĩa vụ tài chính cho ông Nguyễn Chí D là người đại diện của những người cùng thửa kể gồm: ông Nguyễn Chí T và ông Nguyễn Chí C là đúng quy định hiện hành.

Đối với nội dung khởi kiện thì Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B xác định ông Nguyễn Hải P1 là cán bộ kiểm lâm chi cục kiểm lâm tỉnh Đ không phải là cán bộ, chiến sỹ, công nhân viên của Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đ như vậy là trái với chỉ thị 282/CT-QP ngày 11/7/1991 của Bộ trưởng Bộ quốc phòng. Như vậy, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B không đồng ý với nội dung khởi kiện của người khởi kiện.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 05/2019/HC-ST ngày 29/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; khoản 1 Điều 31; Điều 115, điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 khoản 3 Điều 158, khoản 2 Điều 193; Điều 194; Điều 204; Điều 206 Luật tổ tụng hành chính.

Căn cứ khoản 3 Điều 170 Luật đất đai năm 2013; Điểm c khoản 1 Điều 8; khoản 2 Điều 14 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ, quy định về thu tiền sử dụng đất; Điều 8 Thông tư số 76/2014/TT-BTC ngày 16/6/2014 của Bộ Tài chính; Quyết định số 43/2014/QĐ- UBND ngày 22/12/2014 của UBND Tỉnh Đắk Lắk “Về ban hành quy định giá các loại đất trên địa bàn các huyện, thị xã và thành phố của tỉnh năm 2015”;

Căn cứ khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Bác yêu cầu khởi kiện của các ông Nguyễn Chí D, Nguyễn Chí T và ông Nguyễn Chí C: Về việc yêu cầu hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số: LTB1860501-TK0053976/TB-CCT ngày 15/11/2018 của Chi cục Thuế thành phố B đối với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP075073 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 05/01/2019, thửa đất số 130, tờ bản đồ số 70, diện tích 165,3m², tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đứng tên các ông Nguyễn Chí D, Nguyễn Chí T và ông Nguyễn Chí C.

Đình chỉ yêu cầu tuyên hủy quyết định số 1531/QĐ - CCT ngày 05/03/2019 của Chi cục thuế Thành phố B của các ông Nguyễn Chí D, Nguyễn Chí T và ông Nguyễn Chí C.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn giải quyết về án phí, tuyên quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 09/9/2019, những người khởi kiện các ông Nguyễn Chí D, Nguyễn Chí T và ông Nguyễn Chí C kháng cáo với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án số 05/2019/HC-ST ngày 29/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện ủy quyền của người khởi kiện giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo và yêu cầu tuyên hủy Thông báo số LTB1860501-TK0053976/TB-CCT ngày 15/11 /2018 của Chi cục Thuế thành phố B “Về việc xác định nghĩa vụ tài chính” cho hộ gia đình ông D, ông T và ông C.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện cho rằng đất của gia đình các ông Nguyễn Chí D, Nguyễn Chí T và ông Nguyễn Chí C được cấp trước năm 1993 thuộc trường hợp sử dụng đất theo qui định tại điểm a, khoản 1 Điều 100 Luật đất đai năm 2013 nên hộ gia đình các ông Nguyễn Chí D, Nguyễn Chí T và ông Nguyễn Chí C không phải nộp tiền sử dụng đất.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

Về phần thủ tục tố tụng ở giai đoạn xét xử phúc thẩm đảm bảo đúng quy định của pháp luật và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính 2015 không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Chí D, Nguyễn Chí T và ông Nguyễn Chí C. Giữ nguyên bản án hành chính số 05/2019/HC – ST ngày 29/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Nguyễn Chí D, Nguyễn Chí T và ông Nguyễn Chí C làm trong hạn luật định, người kháng cáo đã nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm nên được Tòa án chấp nhận. Tại phiên tòa người khởi kiện không rút đơn khởi kiện, không thay đổi, bổ sung, không rút kháng cáo. Yêu cầu hội đồng xét xử phúc thẩm giải quyết.

[2] Xét kháng cáo của những người khởi kiện ông Nguyễn Chí D, Nguyễn Chí T và ông Nguyễn Chí C yêu cầu hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số: LTB1860501-TK0053976/TB-CCT ngày 15/11/2018 của Chi cục Thuế thành phố B đối với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP075073 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 05/01/2019, thửa đất số 130, tờ bản đồ số 70, diện tích 165,3m², tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đứng tên các ông Nguyễn Chí D, Nguyễn Chí T và ông Nguyễn Chí C thì thấy: Nguồn gốc thửa đất vào năm 1983 Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Đắk Lắk cấp đất cho hộ Nguyễn Hải P1 để làm nhà ở (Ông P1 không phải là cán bộ, chiến sĩ, công nhân viên của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh

Đ). Năm 1990 hộ ông Nguyễn Hải P1 chuyển nhượng toàn bộ diện tích đất (Không có nhà) cho hộ ông Lê Văn Đ; Đến tháng 5/1992 ông Đ làm nhà ở. Tháng 12/1992 ông Đ chuyển nhượng toàn bộ đất và nhà ở cho bà Nguyễn Thị T1. Đến năm 2010 bà T1 chết thì những người được hưởng thừa kế là ông Nguyễn Chí D, Nguyễn Chí T và ông Nguyễn Chí C sử dụng ông định không tranh chấp cho đến nay.

Ngày 27/9/2018 ông Nguyễn Chí D, Nguyễn Chí T và ông Nguyễn Chí C nộp hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B hồ sơ gồm có:

Đơn đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Nguyễn Chí D, Nguyễn Chí T và ông Nguyễn Chí C ký ngày 12/02/2018 và được UBND phường T ký xác nhận ngày 21/9/2018; Phiếu lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm sử dụng đất đối với thửa đất trên của các ông Nguyễn Chí D, Nguyễn Chí T và ông Nguyễn Chí C do UBND phường T lập ngày 02/6/2018; Giấy cho sử dụng đất số 108/XDCB ngày 15/3/1983 cho ông Nguyễn Hải P1; Giấy bán nhà giữa ông Lê Văn Đ, Nguyễn Thị V và Nguyễn Thị T1 ký ngày 01/12/1992; Bản sao chứng thực Giấy chứng tử số 38/2010 ngày 20/11/2010 của bà Nguyễn Thị T1; Bản sao chứng thực Giấy khai sinh của các ông Nguyễn Chí D, Nguyễn Chí T và ông Nguyễn Chí C; Hợp đồng ủy quyền giữa các ông Nguyễn Chí Thành, Nguyễn Chí Cường ủy quyền cho ông Nguyễn Chí D được Văn phòng công chứng Đ công chứng ngày 26/10/2017, số 11802 quyền số 10TP/CC-SCC/HĐGD; Biên lai thu thuế nhà đất của bà Nguyễn Thị T1 vào các ngày 14/4/1994, ngày 13/6/2014 và ngày 13/6/2016; Bản sao hợp đồng mua bán điện sinh hoạt số 02/A102171 của bà Nguyễn Thị T1; Văn bản thỏa thuận cử người đại diện đồng thừa kế được Văn phòng công chứng Đ công chứng ngày 05/10/2018, số 014980 quyền số 10TP/CC-SCC/HĐGD; Giấy cam kết hạn mức đất ở ngày 02/11/2018 của ông Nguyễn Chí D; Đơn đề nghị ghi nợ nghĩa vụ tài chính của ông Nguyễn Chí T được UBND phường T xác nhận ngày 18/12/2018; Trích lục bản đồ địa chính thửa đất số 130, tờ bản đồ số 70, phường T.

Ngày 02/11/2018 Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B ban hành phiếu chuyển thông tin địa chính số 183 7413 để xác định nghĩa vụ tài chính đối với thửa đất trên và chuyển Chi cục thuế thành phố B để xác định nghĩa vụ tài chính theo quy định.

Ngày 15/11/2018 Chi cục Thuế thành phố B ban hành Thông báo nộp tiền sử dụng đất số: LTB1860501-TK0053976/TB- CCT. Theo đó hộ các ông Nguyễn Chí D, Nguyễn Chí T và ông Nguyễn Chí C phải nộp bằng 40% tiền sử dụng đất với số tiền là 563.436.000 đồng và 7.042.950 đồng tiền lệ phí trước bạ.

Sau khi nhận được Thông báo nộp tiền sử dụng đất của Chi cục thuế. Ngày 18/12/2018, các ông Nguyễn Chí D, Nguyễn Chí T và ông Nguyễn Chí C đã làm

đơn đề nghị ghi nợ nghĩa vụ tài chính đối với thửa đất trên gửi Phòng Tài nguyên và Môi trường Thành phố B, Chi cục Thuế thành phố B.

Ngày 05/01/2019, Ủy ban nhân dân thành phố B Ban hành Quyết định số 27/QĐ-UBND về việc công nhận và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với thửa đất, đồng thời phát hành giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CP 075073, cấp ngày 05/01/2019, thửa đất số 130, tờ bản đồ số 70, diện tích 165,3m² đất ở cho ông Nguyễn Chí D là người đại diện của những người cùng thừa kế gồm: ông Nguyễn Chí D, Nguyễn Chí T và ông Nguyễn Chí C đồng thời có ghi nợ nghĩa vụ tài chính.

Theo qui định tại khoản 1, 2, 3 mục I Nghị định số: 201-CP ngày 01/7/1980 của Hội đồng chính phủ về việc thống nhất quản lý ruộng đất và tăng cường công tác quản lý ruộng đất trong cả nước quy định:

1) Toàn bộ ruộng đất trong cả nước đều do Nhà nước thống nhất quản lý theo quy hoạch và kế hoạch chung nhằm bảo đảm ruộng đất được sử dụng hợp lý, tiết kiệm và phát triển theo hướng đi lên sản xuất lớn xã hội chủ nghĩa.

2) Quản lý Nhà nước đối với ruộng đất bao gồm các nội dung sau đây:

- Giao đất, thu hồi đất, trưng dụng đất.

3) Hội đồng Chính phủ thực hiện việc quản lý Nhà nước đối với toàn bộ ruộng đất trong cả nước.

Ủy ban nhân dân các cấp được Hội đồng Chính phủ ủy nhiệm thực hiện việc quản lý Nhà nước đối với toàn bộ ruộng đất trong địa phương (Kể cả các loại đất đã giao cho các cơ quan Trung ương) theo các chế độ, thể lệ thống nhất của Nhà nước và sự hướng dẫn của cấp trên.

Như vậy, theo quy định trên thì đất của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Đ cấp cho ông Nguyễn Hải P1 vào năm 1983 là không đúng thẩm quyền (Vì ông P1 không phải là cán bộ, chiến sĩ công nhân viên của Bộ chỉ huy Quân sự tỉnh Đ) nên ông Nguyễn Hải P1 không thuộc đối tượng được xét giao đất làm nhà ở. Vì vậy trong trường hợp này đất của ông Nguyễn Hải P1 được bộ chỉ huy quân sự tỉnh Đ cấp là đất cấp trái thẩm quyền.

Theo quy định tại Điều 23 Nghị định 43/2014/NĐ – CP quy định chi tiết về thi hành một số điều, khoản Luật đất đai 2013.

Điều 23. Việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho hộ gia đình, cá nhân được giao không đúng thẩm quyền.

1. Đất giao không đúng thẩm quyền cho hộ gia đình, cá nhân quy định tại Điều này bao gồm các trường hợp người đứng đầu điểm dân cư giao đất hoặc Ủy ban nhân dân cấp xã giao đất không đúng thẩm quyền theo quy định của pháp luật về đất đai qua các thời kỳ; tổ chức được Nhà nước giao đất, cho thuê đất để sử

dụng nhưng đã tự phân phối, bố trí cho cán bộ, công nhân viên, xã viên để sử dụng làm nhà ở và các mục đích khác.

2. Trường hợp đất được giao không đúng thẩm quyền đã được sử dụng ổn định trước ngày 15 tháng 10 năm 1993, không có tranh chấp, phù hợp với quy hoạch thì người đang sử dụng đất được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đối với diện tích đất đã được giao theo quy định tại Khoản 1 Điều 20 của Nghị định này.

Như vậy, căn cứ các quy định nêu trên thì thấy trường hợp đất của các ông Nguyễn Chí D, Nguyễn Chí T và ông Nguyễn Chí C ủy quyền cho ông Nguyễn Chí D đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Nguyễn Chí D được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất nói trên, đồng thời phải thực hiện nghĩa vụ tài chính theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 8 Nghị định số 45/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định: Thu tiền sử dụng cho hộ gia đình, cá nhân đất khi cấp giấy CNQSD đất đối với đất được giao không đúng thẩm quyền *trước ngày 01/7/2004*:

c) “Trường hợp sử dụng đất có nhà ở ổn định trước ngày 01/7/2004 và không có giấy tờ chứng minh đã nộp tiền để được sử dụng đất, khi được cấp giấy CNQSD đất thì thu tiền sử dụng đất như sau:

Trường hợp đất đã sử dụng ổn định từ trước ngày 15/10/1993 thì thu tiền sử dụng đất bằng 40% tiền sử dụng đất theo giá đất ở đối với phần diện tích đất trong hạn mức giao đất tài thời điểm có quyết định công nhận quyền sử dụng đất của cơ quan, nhà nước có thẩm quyền; bằng 100% tiền sử dụng đất theo giá đất ở với phần diện tích vượt quá hạn mức giao đất ở (nếu có) theo giá đất quy định tại Điểm b, Điểm c, Khoản 3, Điều 3 Nghị định này tại thời điểm có quyết định công nhận quyền sử dụng đất của cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

.....

Do vậy, căn cứ các qui định trên thì trường hợp đất của hộ ông Nguyễn Chí D, Nguyễn Chí T và ông Nguyễn Chí C là trường hợp phải nộp tiền sử dụng đất. Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai Tp. B lập Phiếu chuyển thông tin số 1837413/PCTTĐC để xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai đối với thửa đất số 130, tờ bản đồ số 70, diện tích 165,3m². Địa chỉ tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đối với ông Nguyễn Chí D (là đại diện) gửi đến Chi cục Thuế thành phố B là phù hợp qui định của pháp luật. Từ những căn cứ trên thửa đất của hộ ông Nguyễn Chí D, Nguyễn Chí T và ông Nguyễn Chí C phải nộp bằng 40% giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định là đúng. Căn cứ vào Phiếu chuyển thông tin xác định nghĩa vụ tài chính về đất đai số 1837413/PCTTĐC của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B, hồ sơ liên quan đến thửa đất các qui định của pháp luật. Chi cục Thuế thành phố B ban hành thông báo số LTB1860501-TK0053976/TB-CCT ngày 15/11/2018 đối với trường hợp của hộ ông Nguyễn Chí D, Nguyễn Chí T và ông

Nguyễn Chí C để được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thửa đất số 130, tờ bản đồ số 70, diện tích 165,3m² phải nộp tiền sử dụng đất là 563.436.000 đồng và 7.042.950 đồng lệ phí trước bạ là đúng quy định của pháp luật.

Từ nhận định trên Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận đơn kháng cáo toàn bộ bản án hành chính sơ thẩm số 05/2019/HCST ngày 29/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk của ông Nguyễn Chí D, Nguyễn Chí T và ông Nguyễn Chí C – Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do đơn kháng cáo không được chấp nhận nên ông Nguyễn Chí D, Nguyễn Chí T và ông Nguyễn Chí C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 241, khoản 1 Điều 348, khoản 1 Điều 349 Luật tổ tụng hành chính năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn Chí D, Nguyễn Chí T và ông Nguyễn Chí C - Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 05/2019/HCST ngày 29/8/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Tuyên xử:

[1] Bác yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Chí D, Nguyễn Chí T và ông Nguyễn Chí C; Về việc yêu cầu hủy Thông báo nộp tiền sử dụng đất số: LTB1860501-TK0053976/TB-CCT ngày 15/11/2018 của Chi cục Thuế thành phố B đối với thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP075073 do Ủy ban nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột cấp ngày 05/01/2019, thửa đất số 130, tờ bản đồ số 70, diện tích 165,3m², tại phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk đứng tên ông Nguyễn Chí D, Nguyễn Chí T và ông Nguyễn Chí C.

Đình chỉ yêu cầu tuyên hủy quyết định số 1531/QĐ - CCT ngày 05/03/2019 của Chi cục thuế Thành phố Buôn Ma Thuột của ông Nguyễn Chí Dũng, ông Nguyễn Chí Thành và ông Nguyễn Chí Cường

[2] Về án phí hành chính sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Chí D, Nguyễn Chí T và ông Nguyễn Chí C mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà ông D, ông T, ông C mỗi người đã nộp là 300.000 đồng tại các biên lai thu tiền số 0012256 ngày 16/04/2019; biên lai số 0012257 ngày 16/04/2019; biên lai số 0012258 ngày 16/04/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

[3] Về án phí hành chính phúc thẩm: ông Nguyễn Chí D, Nguyễn Chí T và ông Nguyễn Chí C mỗi người phải chịu 300.000 đồng tiền án phí hành chính phúc thẩm.

Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà ông Nguyễn Xuân K đã nộp thay tại các biên lai thu tiền số 0002410 ngày 12/9/2019; biên lai số 0002409 ngày 12/9/2019; biên lai số 0002408 ngày 12/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Buôn Ma Thuột.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị tiếp tục có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp Buôn Ma Thuột;
- Đương sự;
- Công thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà
(đã ký)

Đinh Thị Tuyết